

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2042/SYT-QLBHYT&HNYD
V/v tiếp nhận và đăng tải bản tự
công bố cơ sở khám bệnh, chữa
bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành.

Kiên Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang.

Ngày: 9.22

Ngày: 16.16

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy

định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Quyết định 406/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh Kiên

Giang về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ mới ban hành; sửa đổi, bổ sung;
bãi bỏ lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh; lĩnh vực Dược phẩm thuộc thẩm quyền tiếp

nhận và giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;
Căn cứ Giấy tiếp nhận hồ sơ số H33.16-240524-0003 của Trung tâm Phục vụ

hành chính công về việc tiếp nhận hồ sơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang về

Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực

hành;
Sở Y tế tỉnh Kiên Giang tiếp nhận và đăng tải Bản công bố cơ sở khám bệnh,

chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành (Bản công bố kèm theo) đối

với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang; địa điểm: 13 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Giấy phép hoạt động số: 540/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Kiên Giang cấp
ngày 01/9/2021.
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Trương Công Thành.
- Phạm vi hướng dẫn thực hành: thực hiện theo Khoản 8, Điều 3 Nghị định
96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ và Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày
31/12/2023 của Bộ Y tế.
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với nội

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc SYT;
- Trang TTĐT, VPĐT SYT;
- Lưu: VT, QLBYT&HNYD.



BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y Tế Kiên Giang.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 540/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Kiên Giang cấp ngày 01/9/2021.

Địa chỉ: 13 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hoà, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Trương Công Thành

Điện thoại liên hệ: 02978 552211 – 02978 552201

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-SYT ngày 25 tháng 7 năm 2014 phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong Khám CB thực hiện tại BVĐK Kiên Giang, Quyết định số 876/QĐ-SYT ngày 20 tháng 9 năm 2021 phê duyệt Bổ sung danh mục kỹ thuật, Quyết định số 1253/QĐ-SYT ngày 11 tháng 10 năm 2022 phê duyệt Bổ sung danh mục kỹ thuật, Quyết định số 4145/QĐ-SYT ngày 30 tháng 11 năm 2023 phê duyệt Bổ sung danh mục kỹ thuật trong Khám CB thực hiện tại BVĐK Kiên Giang và Quyết định số 4144/QĐ-SYT ngày 25 tháng 7 năm 2014 phê duyệt Áp dụng chính thức kỹ thuật mới trong Khám - chữa bệnh thực hiện tại BVĐK Kiên Giang,

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định, với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y khoa; BS Răng hàm mặt; Y sĩ đa khoa; Điều dưỡng đa khoa; Điều dưỡng Răng Hàm mặt; Dược; Kỹ thuật Y phạm vi hành nghề Hình ảnh y học; Kỹ thuật Y phạm vi hành nghề Xét nghiệm; Kỹ thuật Y phạm vi hành nghề Y học cổ truyền, Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng; Cấp cứu viên ngoại viện.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: Phụ lục đính kèm.

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Thực hành khám chữa bệnh chuyên khoa Sản và chuyên khoa Nhi theo hợp đồng ký kết với Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Kiên Giang.

Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành tại một thời điểm: 200.

Chi phí hướng dẫn thực hành: tùy theo từng đối tượng thực hành (Kế hoạch đính kèm).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định. / *ML*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT&CDT.



BS. Trương Công Thành

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành đối với Bác sỹ y khoa, Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt
tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số Điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết một số Điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào nhu cầu của người thực hành;

Căn cứ tình hình thực tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang xây dựng Kế hoạch về việc hướng dẫn thực hành đối với Bác sỹ y khoa, Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm xây dựng chương trình thực hành, làm cơ sở để hướng dẫn thực hành phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của Bệnh viện.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân hướng dẫn thực hành tại cơ sở đúng theo quy định của Pháp luật.

Đáp ứng nhu cầu cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người hành nghề để bổ sung hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

2. Yêu cầu

Đảm bảo việc tiếp nhận người có nhu cầu thực hành và phân công người hướng dẫn thực hành đảm bảo về chuyên môn, năng lực và đúng quy định, đạt chất lượng tốt.

Các phòng, khoa và các cá nhân tùy theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Danh sách các khoa tiếp nhận học viên thực hành

Chuyên môn Hồi sức cấp cứu: Cấp cứu tổng hợp, Hồi sức chống độc, Phẫu thuật – Gây mê hồi sức.

Chuyên môn khám chữa bệnh Nội khoa: Nội tổng quát, Nội tim mạch, Nội hô hấp, Nội tiêu hóa, Thận lọc máu, Nội thần kinh, Nội tiết – Cơ xương khớp, Truyền nhiễm, Lão học.

Chuyên môn khám chữa bệnh Ngoại khoa: Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ngoại lồng ngực – Mạch máu, Ngoại thần kinh, Ngoại thận – Tiết niệu.

Kỹ thuật chuyên khoa: Mắt, Tai Mũi Họng, Răng – Hàm – Mặt, Da liễu, Vật lý trị liệu – PHCN.

Chuyên khoa Sản – Nhi: ký Hợp đồng phối hợp thực hành với Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng thực hành: Là người lao động đã tốt nghiệp trình độ Bác sĩ y khoa, Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt có nhu cầu tham gia thực hành tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang.

2.1. Đối tượng là Bác sĩ y khoa thực hành với thời gian 12 tháng, cụ thể:

TT	Nội dung	Tên khoa thực hành	Thời lượng	Tổng số tiết học
1	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa, lồng ghép hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề; ứng xử người hành nghề,...	- Hồi sức chống độc - Phẫu thuật - GMHS - Cấp cứu tổng hợp	480	12 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành Hồi sức cấp cứu.			
2	Thực hành lâm sàng chuyên khoa Nội tại Bệnh viện Đa khoa	Học viên được lựa chọn 03 khoa trong các khoa sau: Nội tổng quát, Nội tim mạch, Nội hô hấp, Nội tiêu hóa, Thận lọc máu, Nội thần kinh, Nội tiết – Cơ xương khớp, Truyền nhiễm, Lão học (mỗi khoa thực hành 01 tháng)	480	12 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa Nội			
3	Thực hành lâm sàng chuyên khoa Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa	Học viên được lựa chọn 03 khoa trong các khoa sau: Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ngoại lồng ngực – Mạch máu, Ngoại thần kinh, Ngoại thận – Tiết niệu (mỗi khoa thực hành 01 tháng)	480	12 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa Ngoại			
4	Thực hành lâm sàng chuyên khoa	Ký Hợp đồng hỗ trợ thực	160	4 tuần

	Sản phụ khoa.	hành với Bệnh viện Sản Nhi, khoa thực hành theo các điều khoản của Hợp đồng		
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên môn Sản phụ khoa			
5	Thực hành lâm sàng chuyên khoa Nhi.	Ký Hợp đồng hỗ trợ thực hành với Bệnh viện Sản Nhi, khoa thực hành theo các điều khoản của Hợp đồng	160	4 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa Nhi			
6	Thực hành lâm sàng một số kỹ thuật của chuyên khoa: Tai mũi họng, Mắt, Da liễu, Vật lý trị liệu – PHCN tại Bệnh viện Đa khoa.	- Khoa Mắt - Khoa Tai mũi họng - Khoa Da liễu - Vật lý trị liệu - PHCN	160	4 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.			
Tổng cộng			1.920	12 tháng

2.2. Đối tượng là Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt:

TT	Nội dung	Tên khoa thực hành	Thời lượng	Tổng số tiết học
1	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa, lồng ghép hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề; ứng xử người hành nghề,...	- Phẫu thuật – GMHS - Cấp cứu tổng hợp	480	12 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành Hồi sức cấp cứu.			
2	Thực hành lâm sàng chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt tại Bệnh viện Đa khoa	Răng – Hàm – Mặt	1.440	36 tuần
	Nhận xét, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt			
Tổng cộng			1.920	12 tháng

3. Quy trình thực hiện

- **Bước 1:** Người thực hành nộp Đơn đề nghị thực hành (theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và bộ hồ sơ gồm:

- + Bản sao có công chứng văn bằng chuyên môn
- + Bản sao có công chứng CCCD
- + Sơ yếu lý lịch tự thuật
- + Giấy khám sức khỏe
- + 02 ảnh 3x4

- **Bước 2:** Sau khi nhận Đơn đề nghị thực hành và hồ sơ học viên, nếu đồng ý tiếp nhận, Phòng Đào tạo và Chỉ đạo tuyển soạn Hợp đồng thực hành, cho người thực hành ký kết Hợp đồng và thu phí theo quy định, đồng thời soạn thảo Hợp đồng phối hợp đào tạo thực hành với Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Kiên Giang đối với các đối tượng cần thực hành chuyên khoa Sản – Nhi theo quy định.

- **Bước 3:** Phòng Đào tạo và Chỉ đạo tuyển trình Giám đốc ra Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành.

- **Bước 4:** Hướng dẫn thực hành tại khoa.

- **Bước 5:** Nhận xét kết quả thực hành.

- **Bước 6:** Cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

4. Phí thực hành: Thu theo Quyết định số 309/QĐ-BV ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang.

Chi phí thực hành áp dụng cho đến khi có văn bản hướng dẫn mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang

a. Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang

BSCKII. Trương Công Thành – Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm về việc ký Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh; Quyết định Tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành theo đúng quy định; Ký giấy Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên hoàn thành thời gian thực hành đã được xác nhận của người chịu trách nhiệm hướng dẫn.

b. Phó Giám đốc phụ trách đào tạo

Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang phụ trách trực tiếp công tác đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chung khung chương trình đào tạo thực hành; Ký Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên hoàn thành thời gian thực hành đã được xác nhận của người chịu trách nhiệm hướng dẫn.

c. Phòng Đào tạo và Chỉ đạo tuyển

Tham mưu Ban Giám đốc về khung chương trình đào tạo học viên thực hành theo quy định mới của Bộ Y tế.

Trực tiếp tổ chức thực hiện quy trình hướng dẫn thực hành tại bệnh viện theo kế hoạch.

Tiếp nhận, quản lý, phối hợp với các khoa lâm sàng theo dõi học viên thực hành. Tham mưu Ban Giám đốc phân công người hướng dẫn thực hành đúng quy định. Hoàn tất thủ tục cần thiết thanh toán chi phí đào tạo cho các bộ phận liên quan.

d. Phòng Tài chính Kế toán

Chịu trách nhiệm thu, chi, thanh quyết toán và quản lý kinh phí theo đúng quy định.

e. Các khoa lâm sàng hướng dẫn học viên

Xây dựng chương trình đào tạo hướng dẫn tại khoa.

Tiếp nhận, phân công người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện.

Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên thực hành được thực hành tại khoa.

Nhận xét, đánh giá kết quả quá trình thực hành của học viên đảm bảo tính khách quan, trung thực.

f. Người hướng dẫn thực hành

Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của đơn vị

Trường hợp vượt quá khả năng năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc.

Theo dõi và đánh giá, nhận xét kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

g. Yêu cầu đối với học viên

Trong quá trình thực hành phải tuân thủ các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề.

Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của cơ sở hướng dẫn thực hành.

Tuân thủ các quy định, quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn.

Tích cực tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện.

Người thực hành không được tự ý ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

Đảm bảo an toàn cho người bệnh, giữ bí mật thông tin của người bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

Sau khi kết thúc khóa học và học viên đạt yêu cầu, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang sẽ cấp "Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành" theo quy định.



2. Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Kiên Giang

Cử cán bộ phụ trách công tác phối hợp, hỗ trợ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang ký kết Hợp đồng hỗ trợ thực hành cho các đối tượng cần thực hành chuyên môn Sản – Nhi theo quy định.

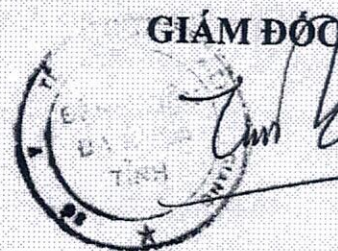
Ra quyết định phân công người hướng dẫn thực hành, tiếp nhận thực hành và nhận xét, đánh giá sau khi học viên hoàn thành khóa học.

Hỗ trợ, cung cấp các thủ tục cần thiết để công tác thanh toán thực hành được thuận lợi và đúng tiến độ.

Trên đây là Kế hoạch về việc hướng dẫn thực hành đối với Bác sĩ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang, đề nghị các phòng, khoa và các cá nhân, đơn vị được phân công nghiêm túc thực hiện nội dung Kế hoạch./ man

Nơi nhận:

- SYT Kiên Giang (báo cáo);
- BGĐ BVĐK tỉnh (chỉ đạo);
- Các khoa, phòng trong bệnh viện (thực hiện);
- BVSN tỉnh Kiên Giang (phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT&CDT.



BS. Trương Công Thành

PHỤ LỤC

(Kèm theo Bảng công bố số **747** /BCB-BVĐK ngày 22 tháng 5 năm 2024)

**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/2023/NĐ-CP**

1. Đối tượng là Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Răng Hàm mặt, Y sĩ đa khoa.

STT	Họ và tên Người hướng dẫn thực hành	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học, học phần, tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu HD thực hành
1	Trần Thị Thắm	Cử nhân	Điều dưỡng	002709/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	23	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Hội sức Ngoại
2	Lê Trần Minh Tú	Thạc sĩ	Điều dưỡng	002660/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	13	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Phòng mổ
3	Nguyễn Hoàng Nhân	Cử nhân	Điều dưỡng	002750/ KG- CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng qui định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	25	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt
4	Nguyễn Thị Minh Thuỳên	Thạc sĩ	Điều dưỡng	0004036/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	Phòng Điều Dưỡng

5	Mai Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	002344/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	Hội sức chống độc
6	Nguyễn Phong Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	002342/ KG- CCHN	Chăm sóc bệnh Nội khoa	27	Điều dưỡng chăm sóc hồi sức cấp cứu	HD LS, thực hành chăm sóc người bệnh Hồi sức cấp cứu	Hội sức chống độc
7	Danh Thị Yên	Cử nhân	Điều dưỡng	002352/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	16	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh hồi sức cấp cứu	Hội sức chống độc
8	Thạch Huỳnh Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	022614/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	Nội thân kinh
9	Trần Thị Tiết	Cử nhân	Điều dưỡng	002622/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	18	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội tiết	Nội tiết CXXK
10	Danh Thảo	Cử nhân	Điều dưỡng	002362/ KG- CCHN	Chăm sóc bệnh Nội khoa	14	Điều dưỡng đa khoa	HD LS, thực hành chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu	Hội sức chống độc
11	Huỳnh Văn Bel	Cử nhân	Điều dưỡng	002995/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	13	Chấn thương chỉnh hình	Chăm sóc sức khỏe người lớn Chấn thương chỉnh hình	Chấn thương chỉnh hình
12	Nguyễn Thị Yên Hồng	CNBD	Điều dưỡng, Cao đẳng PHCN	002834/ KG- CCHN	Chăm sóc điều dưỡng	10	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	HD LS, Chăm sóc và tập phục hồi chức năng	Vật lý trị liệu - PHCN
13	Nguyễn Thị Bảo Xuân	Cử nhân	Điều dưỡng	002256/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	19	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Ngoại Tổng quát

14	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Cử nhân	Điều dưỡng	0003482 /KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	18	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	Nội Tiêu hoá
15	Lê Văn Nguyễn	Cử nhân	Điều dưỡng	002889/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nhiễm	Nhiễm
16	Quách Hồng Diệu	Cử nhân	Điều dưỡng	002623/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	18	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Nội Hô hấp
17	Danh Huy Hoàng	Thạc sĩ	Điều dưỡng	002647/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Nội Tổng quát A
18	Danh Tâm	Cử nhân	Điều Dưỡng	002590/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	22	Điều dưỡng Hồi sức sau phẫu thuật tim	HD Lâm sàng, chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật tim	Ngoại lồng ngực
19	Vũ Thị Minh Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	002774/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	30	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	Nội tim mạch
20	Trang Bảo Kim	Cử nhân	Điều dưỡng	002770/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội TM.	Nội tim mạch
21	Vương Trung Hiếu	Cử nhân	Điều dưỡng	002790/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	19	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội TM.	Nội tim mạch
22	Nguyễn Thị Thu Trang	Cử nhân	Điều Dưỡng	002265/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng đa khoa	HD Lâm sàng, chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật Niệu	Ngoại thận tiết niệu

23	Trần Hồng Tim	Cư nhân	Điều dưỡng	003059/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Thận lọc máu	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Suy thận mạn	Thận lọc máu
24	Lê Thị Hồng Chi	Cư nhân	Điều dưỡng	003086/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Suy thận mạn	Thận lọc máu
25	Châu Minh Hoàng	Cư nhân	Điều dưỡng	003060/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	20	Thận lọc máu	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Suy thận mạn	Thận lọc máu
26	Châu Hà Hiếu	Thạc sĩ	Điều dưỡng	001497/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	22	Kiểm soát nhiễm khuẩn	HD giám sát nhiễm khuẩn BV, phòng ngừa lây bệnh - dịch bệnh, khử khuẩn tiết khuẩn, Quản lý chất thải và Vệ sinh môi trường	Kiểm soát nhiễm khuẩn
27	Nguyễn Thị Phương Hà	Cư nhân	Điều dưỡng	003040/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	27	Kiểm soát nhiễm khuẩn	HD giám sát nhiễm khuẩn BV, phòng ngừa lây bệnh - dịch bệnh, khử khuẩn tiết khuẩn, Quản lý chất thải và Vệ sinh môi trường	Kiểm soát nhiễm khuẩn
28	Trần Thị Ánh Huyền	Cư nhân	Điều dưỡng	002928/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	18	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Ngoại thân Kinh
29	Lê Trường Kha	Cư nhân	Điều dưỡng	002938/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	13	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Ngoại thân Kinh

30	Thạch Thị Xoan	Cư nhân	Điều dưỡng	002525/ KG- CCHN	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh cấp cứu	Cấp cứu tổng hợp
----	----------------	---------	------------	------------------------	---------------------	----	--------------------	--	------------------

2. Đối tượng là Bác sĩ Y khoa, bác sĩ Răng hàm mặt, Cấp cứu viên ngoại viện

STT	Họ và tên Người hướng dẫn thực hành	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học, học phần, tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa /đơn vị đặt yêu cầu thực hành
1	Lê Khắc Trung	BSCCKII	Nội chung	000046/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	22	Nội khoa	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Tổng quát
2	Nguyễn Văn Mỹ	BSCCKI	Nội TQ	004049/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	10	Nội khoa	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Tổng quát
3	Mai Hoài Sang	Thạc sĩ Y học	Nội Khoa	005162/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	9	Nội Tiêu hoá	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội Tiêu Hoá	Nội Tiêu hoá
4	Nguyễn Thái Duy	BSCCKII	Nội Tổng quát	002147/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội tổng quát	14	Nội Tiêu hoá	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội Tiêu Hoá	Nội Tiêu hoá
5	Nguyễn Ngọc Ánh	BS	Nội Tổng quát	007037/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội tổng quát	3	Nội Tiêu hoá	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội Tiêu Hoá	Nội Tiêu hoá

6									
7	Hà Thị Bạch Tuyết	BSCKI	Nội tiết	004819/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	12	Nội Tiết, Nội khoa	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa, nội tiết	Nội Tiết CXX
8	Danh Phước Nguyễn	BSCCKII	Nội chung	000094/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	20	Nội thần kinh	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội thần kinh	Nội thần kinh
9	Nguyễn Văn Thảo	Thạc sĩ Y học	Nội khoa	000245/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	15	Nội Thần kinh	HD LS, trình cas LS, chẩn đoán và điều trị bệnh Nội thần kinh	Nội thần kinh
10	Huỳnh Trương Phượng Linh	BS	Nội khoa	007541 /KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	06	Nội khoa	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội thần kinh	Nội thần kinh
11	Dương Thị Chức Linh	Thạc sĩ Y học	Lao- Bệnh phổi	000521/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	11	Nội hô hấp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Hô hấp
12	Ngô Phụng Diễm	BSCKI	Nội khoa	004464/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	17	Nội hô hấp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Hô hấp
13	Nguyễn Lê Kỳ	BSCKI	Nội khoa	006380/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh đa khoa	05	Nội hô hấp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Hô hấp

14	Ngô Tú Nghi	BSCCKII	Nội Tiêu hoá	000405/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	19	Nội Tiêu hoá	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Hội sức chống độc
15	Dương Phước Đông	BSCCKII	Hội sức cấp cứu	000468/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	15	Hội sức cấp cứu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Hội sức cấp cứu.	Hội sức chống độc
16	Nguyễn Minh Nghiệp	BSCCKI	Hội sức cấp cứu	002341/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	13	Hội sức cấp cứu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Hội sức chống độc
17	Nguyễn Thanh Phong	BSCCKI	Nội Tổng Quát	000132/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	20	Nội Tổng Quát	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Hội sức chống độc
18	Tô Thăng Trung	Hội sức cấp cứu	002972/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	Khám - chữa bệnh HS cấp cứu	12	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Hội sức cấp cứu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Hội sức cấp cứu	Hội sức chống độc
19	Trần Văn Tài	BSCCKI	Hội sức cấp cứu	004824/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	18	Hội sức cấp cứu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Hội sức chống độc
20	Phạm Quốc Bằng	Tiến sĩ Y học	Nội khoa	000718/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội khoa	16	Nội Tim mạch	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội tim mạch	Nội Tim mạch
21	Lâm Hữu Giang	BSCCKII	Nội khoa	000006/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội tim mạch	18	Nội tim mạch	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội tim mạch

22	Phạm Minh Thành	BSCCKII	Nội khoa	002486/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh đa khoa	20	Nội tim mạch	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội tim mạch
23	Châu Thuận Thành	Thạc sĩ Y học	Nội khoa	005657/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh đa khoa	07	Nội tim mạch	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội TM.	Nội tim mạch
24	Phạm Kiểm Anh	BSCCKII	Thận lọc máu	000397/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh Nội tiết	22	Thận lọc máu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Thận lọc máu
25	Danh Minh Sung	BSCCKII	Nội khoa	004587/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	19	Thận lọc máu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Thận lọc máu
26	Lâm Thị Thu Ba	BSCCKI	Thận lọc máu	004064/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa -hồi sức cấp cứu.	20	Thận lọc máu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Thận lọc máu
27	Sư Quốc Khởi	Tiến sĩ Y học	Ngoại Tổng hợp	002248/ KG- CCHN	Khám - CB Ngoại khoa	22	Ngoại tổng hợp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa	Ngoại tổng quát
28	Lê Trí Định	Thạc sĩ Y học	Ngoại khoa	005043/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	08	Ngoại khoa, Ngoại tổng hợp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa.	Ngoại tổng quát

29	Huyhnh Trung Nhut	Thạc sĩ Y học	Ngoại tổng hợp	000075/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	22	Ngoại tổng hợp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Ngoại tổng quát
30	Nguyễn Xuân Toàn	BSCCKI	Ngoại thần- kinh-sơ não	003231/ KG- CCHN	Khám - CB Ngoại khoa	10	Ngoại thần kinh	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Ngoại thần kinh
31	Phạm Vô Kỳ	Tiến sĩ Y học	Ngoại thần kinh	002922/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại TK	22	Ngoại thần kinh	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Ngoại thần kinh
32	Trần Quang Phúc	BSCCKII	Ngoại thần- Tiết niệu	000178/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	21	Ngoại thần - Tiết niệu	HDL S, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại thần - Tiết niệu	Ngoại thần- Tiết niệu
33	Danh Hào	BSCCKII	Ngoại Tiết Niệu	000238/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	17	Ngoại thần - Tiết niệu	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại thần - tiết niệu.	Ngoại thần- Tiết niệu
34	Danh Trung	BSCCKII	Ngoại Lồng Ngực	000067/ KG- CCHN	Khám - CB Ngoại khoa	21	Ngoại Lồng ngực	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Ngoại lồng ngực
35	Lâm Phúc Minh	BSCCKI	Ngoại Lồng Ngực	002588/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	13	Ngoại Lồng ngực	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa	Ngoại lồng ngực

36	Phạm Đức Nguyễn	BS Nội trú	Ngoại Lồng Ngực	007312/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	03	Ngoại Lồng ngực	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa	Ngoại lồng ngực
37	Huỳnh Minh Tâm	BSCCKI	Gây Mê Hồi Súc	002696/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh Gây mê hồi súc	14	Hồi súc ngoại	HD LS hồi súc trước và sau mổ, theo dõi BN ICU.	Phẫu thuật - Gây mê hồi súc
38	Huỳnh Nam Hải	BSCCKI	Gây mê hồi súc	002695/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh Gây mê hồi súc	26	Hồi súc ngoại	HD LS hồi súc trước và sau mổ, theo dõi BN ICU.	Phẫu thuật - Gây mê hồi súc
39	Huỳnh Kim Minh Tâm	BSCCKII	Răng Hàm Mặt	000094/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh RHM	14	Răng Hàm Mặt	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Răng Hàm Mặt
39	Trần Trung Hiếu	BSCCKII	Răng Hàm Mặt	000254/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh RHM	14	Răng Hàm Mặt	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Răng Hàm Mặt
40	Lê Thị Phương Mai	BSCCKI	Hồi súc cấp cứu chống độc	004508/ KG- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	8	HSSCC Nội - Ngoại khoa	HD LS, trình cas LS, chẩn đoán và hồi sức CC.	Cấp cứu tổng hợp

3. Đối tượng là Kỹ thuật Y phạm vi hành nghề Y học cổ truyền, Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng; Dược

STT	Họ và tên Người hướng dẫn thực hành	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học, học phần, tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa /đơn vị đặt yêu cầu thực hành
-----	--	--	--	---------------------------	-------------------------	---------------------------------	-------------------------------	---------------------	---

1	Trần Hữu Phương	BSCKI	YHCT, chương chỉ định hướng VLTL_PH _CN	004072/ KG- CCHN	Khám - CB VLTL - PHCN	12	YHCT, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	HDL S, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh VLTL - PHCN	Vật lý trị liệu - PHCN
2	Đỗ Thị Cẩm Vân	BSCKI	Phục hồi chức năng	000473/ KG- CCHN	Khám - CB, YHCT, VLTL - PHCN	12	YHCT, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	HDL S, trình cas LS, chẩn đoán và điều trị bệnh Vật lý trị liệu - PHCN	Vật lý trị liệu - PHCN
3	Vũ Đức Tiến	BSCKI	YHCT, VLTL, PHCN	004071/ KG- CCHN	Khám - CB YHCT, VLTL - PHCN	12	YHCT, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	HDL S, trình cas LS, chẩn đoán và điều trị bệnh Vật lý trị liệu - PHCN	Vật lý trị liệu - PHCN
4	Nguyễn Hoàng Nguyễn	Thạc sĩ	YHCT, VLTL, PHCN	004501/ KG- CCHN	Khám - CB YHCT, VLTL - PHCN	10	YHCT, Vật lý trị liệu	HDL S, trình cas LS, chẩn đoán và điều trị bệnh Vật lý trị liệu - PHCN	Vật lý trị liệu - PHCN
5	Nguyễn Thị Lý	BSCKI	YHCT, VLTL, PHCN	004070/ KG- CCHN	Khám CB hàng y học có truyền - vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	9	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	HDL S, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh chuyên khoa y học có truyền và vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	Vật lý trị liệu - PHCN
6	Lê Văn Hiếu	DSCKI	Công nghệ được phẩm và bảo chế	000324/C CHN-D- SYT-KG	Kinh doanh được: Bán lẻ	26	Dược lâm sàng, tổ chức quản lý được	Hướng dẫn chuyên môn hoạt động quản lý dược bệnh viện, DLS, Thông tin thuốc.	Dược
7	Ngô Vị Đại	DSCKI	Dược lý- Được làm sàng	000623/K G-CCHN	Dù A chuẩn HND các hình thức tổ chức KD NT	17	Dược lâm sàng, tổ chức quản lý được	Hướng dẫn thực hành Dược bệnh viện, Dược lâm sàng, thông tin thuốc.	Dược

8	Vũ Thanh Lịch	ThS.DS	Dược lý - Dược lâm sàng	00301/ CCHN- D-SYT- KG	Đủ tiêu chuẩn HND các hình thức tổ chức KD NT	15	Dược lý và dược lâm sàng	Hướng dẫn chuyên môn hoạt động quản lý dược bệnh viện, Dược lâm sàng, Thông tin thức.	Dược
---	---------------	--------	----------------------------------	---------------------------------	--	----	-----------------------------	--	------

4. Đối tượng là Kỹ thuật Y phạm vi hành nghề Xét nghiệm - Kỹ thuật Y phạm vi hành nghề Hình ảnh y học

STT	Họ và tên Người hướng dẫn thực hành	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học, học phần, tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa /đơn vị đạt yêu cầu thực hành
1	Lêtra Quang Diệu	BSCKI	Huyết học - Truyền máu	005037/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Huyết học-TM	06	Huyết học- Truyền máu	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học. Khám - chữa bệnh Huyết học- TM	Huyết học - Truyền máu
2	Trần Thị Mộng Lành	ThS.XN	Xét Nghiệm	002825/ KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	19	Xét Nghiệm	Kỹ thuật Xét Nghiệm y học và Sinh học phân tử	Vi sinh
3	Đình Phạm Kim Anh	CNCKI	Xét Nghiệm	002823/ KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	12	Xét Nghiệm	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học và Sinh học phân tử	Vi sinh
4	Đỗ Hồng Loan	CNCKI	YHCN	001664/ KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	09	Xét nghiệm	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học	Huyết học - Truyền máu
5	Đỗ Trung Kiên	CNCKI	Xét Nghiệm	003100 /KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	12	Xét Nghiệm	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học	Huyết học - Truyền máu

6	Phan Thanh Thê	Cử nhân	Xét nghiệm	007567/ KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	15	Xét nghiệm	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học	Huyết học Truyền máu
7	Nguyễn Lê Xuân Hà	Cử nhân	Xét nghiệm	007570/ KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	15	Xét nghiệm	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học	Huyết học Truyền máu
8	Phạm Tấn Đạt	BSCCKI	Ngoại tổng quát	000080/ KG- CCHN	Nội + Giải phẫu bệnh	14	Giải phẫu bệnh	HD phẫu tích, trình cas LS, đọc Giải phẫu bệnh, HD thủ thuật FNA, nhuộm HE, nhuộm Papanicolaou.	Giải phẫu bệnh
9	Nguyễn Thị Hậu	CNCKI	Y học chức năng	001668/ KG- CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	31	Hóa sinh, Miễn dịch	HD thực hành Miễn dịch sinh hóa	Sinh hóa
10	Nguyễn Thị Hồng Đào	Cử nhân	Xét nghiệm	2830/KG -CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	20	Hóa sinh, Miễn dịch	HD thực hành Hóa sinh cơ bản	Sinh hóa
11	Trương Mẫn Phúc	BSCCKI	Chẩn đoán hình ảnh	003010/ KG- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	18	Chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn đọc kết quả XQ, CT, MRI.	Chẩn đoán hình ảnh
12	Hồ Linh Thịnh	BSCCKI	Chẩn đoán hình ảnh	007406/ KHG- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	5	Chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn đọc kết quả XQ, CT, MRI.	Chẩn đoán hình ảnh

5. Đối tượng là Sau đại học Y khoa

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên	Ngành, chuyên ngành đã	Chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học, học phần, tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa /đơn vị đạt yêu cầu thực hành
-----	-----------	-------------------------	------------------------	----------------------	-------------------	------------------------	----------------------------	------------------	--

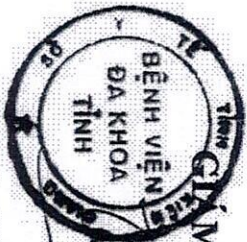
		khóa, nội trú	được đào tạo						
1	Sử Quốc Khởi	Tiến sĩ Y học	Ngoại Tổng hợp	002248/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	20	Ngoại tổng hợp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa	Ngoại tổng quát
2	Danh Thanh Vũ	BSCCKII	Ngoại tổng hợp	000325/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	16	Ngoại tổng hợp	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa.	Ngoại tổng quát
3	Danh Trung	BSCCKII	Ngoại khoa	000067/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	22	Ngoại Lòng ngực	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại lồng ngực.	Ngoại lồng ngực
4	Phạm Vô Kỳ	Tiến sĩ Y học	Ngoại thần kinh	002922/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại TK	22	Ngoại thần kinh	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại khoa	Ngoại thần kinh
5	Nguyễn Ngọc Thanh	BSCCKII	CTCH	000065/ KG- CCHN	Khám, chữa bệnh ngoại khoa	14	Chấn thương Chỉnh hình	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh CTCH	Chấn thương Chỉnh hình
6	Dương Hoàng Tiếp	BSCCKI	Chấn thương chỉnh hình	002988/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa CTCH	12	Chấn thương chỉnh hình	HD LS, trình cas LS. Chẩn đoán và điều trị bệnh Chấn thương chỉnh hình	Chấn thương chỉnh hình

7	Danh Hào	BSCCKII	Ngoại Tiết Niệu	000238/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa.	17	Ngoại thận - Tiết niệu	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại thận - tiết niệu.	Ngoại thận- Tiết niệu
8	Trần Quang Phúc	BSCCKII	Ngoại thận- Tiết niệu	000178/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Ngoại khoa	21	Ngoại thận - Tiết niệu	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Ngoại thận - Tiết niệu	Ngoại thận- Tiết niệu
9	Lê Khắc Trung	BSCCKII	Nội chung	000046/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	22	Nội khoa	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Tổng quát
10	Dương Phước Đông	BSCCKII	Hội sức cấp cứu	000468/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	15	Hội sức cấp cứu	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Hội sức cấp cứu.	Hội sức chống độc
11	Trần Thị Thùy Linh	BSCCKII	Nội chung	002618/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	25	Nội khoa	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Nội Tiêu hoá
12	Nguyễn Thái Duy	BSCCKII	Nội Tổng quát	002147/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội tổng quát	14	Nội Tiêu hoá	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội Tiêu Hoá	Nội Tiêu hoá
13	Dương Thị Chúc Linh	Thạc sĩ Y học	Lao- Bệnh phổi	000521/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	10	Nội hô hấp	HĐ L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội Hô Hấp	Nội Hô Hấp

14	Danh Phước Nguyễn	BSCCKII	Nội chung	000094/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	20	Nội thần kinh	HD L.S, trình cas L.S, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội thần kinh	Nội thần kinh
15	Nguyễn Văn Thảo	BSCCKII	Nội khoa	000245/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa	15	Nội Thần kinh	HD L.S, trình cas L.S, chẩn đoán và điều trị bệnh Nội thần kinh	Nội thần kinh
16	Phạm Quốc Bằng	Tiến sĩ Y học	Nội khoa	000718/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội khoa	17	Nội Tim mạch	HD L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội tim mạch	Nội Tim mạch
17	Trần Minh Trung	Thạc sĩ Y học	Nội khoa	002789/ KG- CCHN	Khám, chữa bệnh Nội khoa	14	Nội tim mạch	HD L.S, trình cas L.S, chẩn đoán và điều trị bệnh Nội tim mạch	Nội tim mạch
18	Huỳnh Trung Cang	Tiến sĩ Y học	Nội tim mạch	000157/ KG- CCHN	Khám và chữa bệnh Nội khoa	20	Nội tim mạch	HD L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội tim mạch	Nội tim mạch
19	Trương Hoàng Khải	BSCCKII	Nội khoa	000062/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội thần	15	Hội sức cấp cứu	HD L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Hội sức cấp cứu.	Thận lọc máu
20	Phạm Kiém Anh	BSCCKII	Thận lọc máu	000397/ KG- CCHN	Khám chữa bệnh Nội tiết	22	Thận lọc máu	HD L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Thận lọc máu
21	Huỳnh Văn Tĩnh	BSCCKII	Nội tiết	000017/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa, Nội tiết, Nội khớp	23	Nội khoa, Nội Tiết, Nội khớp	HD L.S, trình cas L.S. Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa, Nội tiết, Nội khớp.	Nội tiết CXX

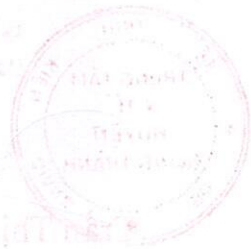
22	Ngô Văn Te	BSCCKII	Nội tiết	001508/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Nội khoa, Nội tiết, Nội khớp	16	Nội khoa, Nội Tiết, Nội khớp	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa, Nội tiết, Nội khớp.	Nội tiết CXXK
23	Huỳnh Kim Minh Tâm	BSCCKII	Răng Hàm Mặt	000094/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh RHM	14	Răng Hàm Mặt	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Răng Hàm Mặt
24	Trần Trung Hiếu	BSCCKI	Răng Hàm Mặt	000254/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh RHM	14	Răng Hàm Mặt	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa	Răng Hàm Mặt
25	Lê Thị Phương Mai	BSCCKI	Hồi sức cấp cứu chống độc	004508/ KG- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	8	HSCC Nội - Ngoại khoa	HD LS, trình cas LS, chẩn đoán và hồi sức CC.	Cấp cứu tổng hợp
26	Trần Hữu Phương	BSCCKI	YHCT, chứng chỉ định hướng VLTL, PH CN	004072/ KG- CCHN	Khám - CB VLTL - PHCN	12	YHCT, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	HD LS, trình cas LS, Chẩn đoán và điều trị bệnh VLTL- PHCN	Vật lý trị liệu - PHCN
27	Đỗ Thị Cẩm Vân	BSCCKI	Phục hồi chức năng	000473/ KG- CCHN	Khám - CB, YHCT, VLTL - PHCN	12	YHCT, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	HD LS, trình cas LS, chẩn đoán và điều trị bệnh Vật lý trị liệu - PHCN	Vật lý trị liệu - PHCN
28	Trần Thị Mộng Lành	ThSXXN	Xét Nghiệm	002825/ KG- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	19	Xét Nghiệm, Vi sinh	Kỹ thuật Xét Nghiệm y học và Sinh học phân tử	Vi sinh

29	Lâm Quang Diệu	BSCKI	Huyết học - Truyền máu	005037/ KG- CCHN	Khám - chữa bệnh Huyết học-TM	06	Huyết học- Truyền máu	HD Kỹ thuật Xét Nghiệm y học. Khám - chữa bệnh Huyết học-TM	Huyết học TM
30	Nguyễn Thị Hậu	CNCKI	Y học chức năng	001668/ KG- CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	31	Hóa sinh, Miễn dịch	HD thực hành Miễn dịch sinh hóa	Sinh hóa
31	Trương Mẫn Phúc	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	003010/ KG- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	18	Chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn đọc kết quả XQ, CT, MRI.	Chẩn đoán hình ảnh
32	Hồ Linh Thịnh	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	007406/ KHG- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	5	Chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn đọc kết quả XQ, CT, MRI.	Chẩn đoán hình ảnh



BS. Trương Công Thành

Handwritten text, possibly a signature or name, located at the top center of the page.




Handwritten text, possibly a signature or name, located below the circular stamp.

PHIẾU GIẢI QUYẾT VẤN BẮN ĐẾN

Số: 2042/ST-QLDHT&HYD ngày, 25 tháng 6 năm 2024.....

.....
.....
.....
.....

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì: K.H.N
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có):

- Thời hạn giải quyết đối với đơn vị, cá nhân (nếu có):
Trần Thị Thu Liệu
- Ngày,.....thángnăm..... cho ý kiến phân phối, giải quyết.....

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có):
.....
- Ngày, ... tháng, năm cho ý kiến.....

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;
.....
- Ngày,..... tháng,..... năm đề xuất ý kiến.....